

Số: **3661** /QĐ-BNN-TCCB

Hà Nội, ngày **19** tháng 9 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế quản lý chương trình, dự án khuyến nông Trung ương  
và nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên**

**BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về khuyến nông;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Vụ trưởng Vụ Tài chính, Giám đốc Trung tâm Khuyến nông Quốc gia;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy chế quản lý chương trình, dự án khuyến nông Trung ương và nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên" gồm 4 Chương, 25 Điều.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành, các quy định trước đây của Bộ trái với Quy chế này đều bị bãi bỏ.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Vụ trưởng Vụ Tài chính, các Tổng cục trưởng, Cục trưởng, Giám đốc Trung tâm Khuyến nông Quốc gia và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Các Vụ, Thanh tra, Văn phòng Bộ;
- Các Tổng cục, Cục;
- Lưu: VT, TCCB, KHCV, TTKNQ. TMĐ. 39b.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Lê Quốc Doanh**

## **QUY CHẾ**

### **Quản lý chương trình, dự án khuyến nông Trung ương và nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3661 /QĐ-BNN ngày 19 tháng 9  
năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

## **Chương I QUY ĐỊNH CHUNG**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định về quản lý chương trình, dự án khuyến nông Trung ương và nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý.

### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quy chế này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân liên quan đến việc quản lý, thực hiện chương trình, dự án khuyến nông Trung ương và nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên từ nguồn ngân sách Trung ương do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý.

### **Điều 3. Nguyên tắc quản lý chương trình, dự án khuyến nông Trung ương và nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên**

1. Tuân thủ quy định của Chính phủ tại Nghị định số 83/2018/NĐ-CP; sự chỉ đạo của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; bảo đảm trách nhiệm quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các Bộ, cơ quan liên quan theo quy định của pháp luật.

2. Việc thẩm định, phê duyệt, tổ chức thực hiện, nghiệm thu, lưu trữ hồ sơ chương trình, dự án khuyến nông Trung ương và nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên phải tuân thủ quy định pháp luật; bảo đảm thực hiện theo đúng mục tiêu, nội dung, sản phẩm, kinh phí, tiến độ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Kinh phí phải được sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả, tiết kiệm, không thất thoát, lãng phí và tuân thủ các quy định hiện hành.

4. Phân cấp tối đa việc quản lý chương trình, dự án khuyến nông trung ương và nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên; bảo đảm phân công rõ tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng, trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ được giao và có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị liên quan thuộc Bộ.

5. Bảo đảm tổ chức kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện định kỳ, đột xuất và thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định hiện hành.

#### **Điều 4. Hội đồng**

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành lập các Hội đồng chuyên môn để giúp Bộ trưởng tư vấn, thẩm định, đánh giá, nghiệm thu chương trình, dự án khuyến nông Trung ương và nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên theo quy định của Chính phủ.

2. Số lượng thành viên hội đồng: Hội đồng có không quá 07 thành viên, gồm: 01 chủ tịch; 01 phó chủ tịch (nếu cần thiết); các ủy viên; 01 Ủy viên kiêm thư ký hội đồng. Riêng số lượng thành viên hội đồng tư vấn thẩm định chương trình khuyến nông trung ương, Hội đồng thẩm định kế hoạch nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên do Bộ quyết định tại các quyết định thành lập hội đồng.

3. Phương thức hoạt động của hội đồng:

a) Hội đồng làm việc theo phương thức cuộc họp để thảo luận tập thể, dân chủ, tôn trọng ý kiến các thành viên.

b) Phiên họp của hội đồng phải có mặt tối thiểu 2/3 (hai phần ba) số thành viên của hội đồng, trong đó phải có chủ tịch hoặc phó chủ tịch (được chủ tịch ủy quyền), ủy viên thư ký. Thành viên vắng mặt phải báo cáo và được cơ quan, đơn vị mời họp, Chủ tịch hội đồng đồng ý; không phải gửi ý kiến nhận xét, đánh giá. Hội đồng đánh giá đạt hoặc thông qua khi có từ 2/3 (hai phần ba) thành viên hội đồng trở lên (tính theo số lượng thành viên tại Quyết định thành lập hội đồng) đánh giá, cho điểm đạt hoặc nhất trí thông qua bằng phiếu.

c) Ý kiến tư vấn, đánh giá của thành viên hội đồng được thể hiện trong phiếu nhận xét, đánh giá, biểu quyết, phát biểu của thành viên hội đồng, được thư ký ghi trong biên bản họp hội đồng, được chủ tịch hội đồng kết luận hoặc bảo lưu theo quy định.

d) Thành viên tổ kiểm phiếu do chủ tịch hội đồng giới thiệu và hội đồng quyết định theo đa số. Việc kiểm phiếu phải được lập thành biên bản và công bố kết quả kiểm phiếu trước hội đồng. Biên bản kiểm phiếu và phiếu của thành viên hội đồng được lưu trữ tại cơ quan, đơn vị trình Bộ thành lập hội đồng.

Giao Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường xây dựng, ban hành mẫu biên bản kiểm phiếu để thực hiện thống nhất.

đ) Nội dung cuộc họp hội đồng phải được thư ký ghi chép đầy đủ thành biên bản. Biên bản họp hội đồng phải có chữ ký của chủ tịch và thư ký. Bản gốc biên bản họp hội đồng được lưu trữ tại cơ quan, đơn vị trình Bộ thành lập hội đồng.

e) Trước phiên họp ít nhất 05 ngày làm việc, hồ sơ phải gửi đến thành viên hội đồng.

g) Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

4. Nhiệm vụ, trách nhiệm của Chủ tịch hội đồng, Phó Chủ tịch hội đồng: Chủ tịch hội đồng chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng và trước pháp luật về điều hành thực hiện nhiệm vụ của hội đồng. Ngoài nhiệm vụ, trách nhiệm của thành viên hội đồng, Chủ tịch hội đồng, Phó chủ tịch hội đồng có trách nhiệm cụ thể:



a) Chủ tọa, điều hành các cuộc họp; đề xuất nội dung và các vấn đề thảo luận ở hội đồng; tổ chức bỏ phiếu tại cuộc họp hội đồng.

b) Ký biên bản họp hội đồng, biên bản kiểm phiếu và hồ sơ liên quan.

c) Thực hiện nhiệm vụ khác theo quy định tại Quyết định của Bộ thành lập hội đồng.

d) Nhiệm vụ, trách nhiệm của Phó chủ tịch hội đồng: Ngoài nhiệm vụ, trách nhiệm của thành viên hội đồng, nhiệm vụ, trách nhiệm cụ thể của Phó Chủ tịch hội đồng được quy định cụ thể tại quyết định thành lập hội đồng.

5. Nhiệm vụ, trách nhiệm của thành viên hội đồng:

a) Dự các cuộc họp của hội đồng.

b) Nhận xét, góp ý kiến đảm bảo có chất lượng, trung thực, khách quan, không vụ lợi.

c) Thực hiện bảo mật các thông tin được cung cấp theo quy định pháp luật.

d) Được hưởng chế độ của thành viên hội đồng theo quy định pháp luật.

đ) Chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng, trước pháp luật và trước người đứng đầu cơ quan quản lý, bổ nhiệm mình về thực hiện nhiệm vụ được giao và ý kiến tư vấn, thẩm định, nhận xét.

## **Chương II**

### **CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN KHUYẾN NÔNG TRUNG ƯƠNG**

#### **Điều 5. Xây dựng, thẩm định, phê duyệt chương trình khuyến nông Trung ương**

1. Tổng cục, Cục đề xuất chương trình khuyến nông trung ương theo từng lĩnh vực, sản phẩm quốc gia, trọng điểm, chủ lực của ngành (theo Mẫu 01 ban hành kèm theo Quy chế này) gửi Trung tâm Khuyến nông Quốc gia.

2. Trung tâm Khuyến nông Quốc gia tổng hợp, xây dựng và tổ chức lấy ý kiến các Vụ, Tổng cục, Cục, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và tổ chức, cá nhân có liên quan; tiếp thu, hoàn thiện chương trình khuyến nông trung ương, trình Bộ (qua Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường).

3. Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường trình Bộ thành lập hội đồng tư vấn thẩm định chương trình khuyến nông trung ương theo từng lĩnh vực chuyên ngành, thành phần hội đồng gồm:

a) Chủ tịch hội đồng: lãnh đạo Tổng cục, Cục chuyên ngành.

b) Phó chủ tịch hội đồng: lãnh đạo Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường.

c) Các ủy viên: đại diện lãnh đạo Vụ Tài chính, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia; công chức của Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Tổng cục, Cục chuyên ngành; đại diện lãnh đạo một số Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chuyên gia (nếu cần thiết).

4. Căn cứ ý kiến tư vấn của hội đồng, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia tổng hợp, hoàn thiện chương trình khuyến nông trung ương gửi Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường kèm theo hồ sơ báo cáo quá trình xây dựng.

5. Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường chủ trì, phối hợp với Vụ Tài chính thẩm định, trình Bộ trưởng phê duyệt chương trình khuyến nông trung ương.

6. Trung tâm Khuyến nông Quốc gia công bố chương trình khuyến nông trung ương trên cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Trung tâm Khuyến nông Quốc gia.

**Điều 6. Xây dựng, thẩm định, phê duyệt danh mục dự án khuyến nông trung ương thực hiện hàng năm**

1. Hàng năm, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia thông báo đề xuất danh mục dự án khuyến nông Trung ương và tổng hợp đề xuất (kèm theo báo cáo thuyết minh) gửi về Bộ (qua Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường) trước ngày 30 tháng 5.

2. Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường trình Bộ thành lập hội đồng tư vấn xác định danh mục dự án khuyến nông trung ương theo từng lĩnh vực chuyên ngành, thành phần hội đồng gồm:

a) Chủ tịch hội đồng: lãnh đạo Tổng cục, cục chuyên ngành.

b) Các ủy viên: đại diện Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Vụ Tài chính, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia; chuyên gia (nếu cần thiết).

c) Thành viên hội đồng nhận xét, đánh giá theo mẫu phiếu do Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường ký thừa lệnh Bộ trưởng ban hành.

3. Căn cứ ý kiến tư vấn của hội đồng, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia hoàn thiện danh mục dự án gửi Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường trước ngày 10 tháng 7.

4. Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường thẩm định, trình Bộ phê duyệt danh mục dự án khuyến nông trung ương trước ngày 31 tháng 7.

5. Trung tâm Khuyến nông Quốc gia

a) Công bố danh mục dự án khuyến nông trung ương trên cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Trung tâm Khuyến nông Quốc gia.

b) Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân xây dựng hồ sơ đăng ký chủ trì dự án theo quy định tại Điều 16 và các điều liên quan tại Nghị định số 83/2018/NĐ-CP.

6. Trong trường hợp cần thiết (đáp ứng nhu cầu thực tiễn của sản xuất, thị trường hoặc để phục vụ nhiệm vụ đột xuất, cấp bách của ngành, phòng ngừa, khắc phục thiên tai, dịch hại), tổ chức, cá nhân đề xuất dự án khuyến nông về Bộ (qua Trung tâm Khuyến nông quốc gia); Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường chủ trì, phối hợp với Trung tâm Khuyến nông Quốc gia trình Bộ phê

duyet bổ sung một số danh mục dự án ngoài chương trình khuyến nông trung ương.

#### **Điều 7. Tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký chủ trì dự án**

Trung tâm Khuyến nông Quốc gia là đơn vị tiếp nhận hồ sơ và tổ chức mở hồ sơ đăng ký để kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP.

#### **Điều 8. Tổ chức hội đồng đánh giá hồ sơ dự án khuyến nông trung ương**

1. Trung tâm Khuyến nông Quốc gia trình Bộ thành lập hội đồng đánh giá hồ sơ đăng ký chủ trì dự án khuyến nông trung ương, thành phần hội đồng gồm:

a) Chủ tịch hội đồng: lãnh đạo Trung tâm Khuyến nông Quốc gia.

b) Các ủy viên: đại diện Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Vụ Tài chính, Tổng cục, Cục chuyên ngành; viên chức Trung tâm Khuyến nông Quốc gia; chuyên gia (nếu cần thiết).

2. Hội đồng đánh giá hồ sơ dự án, cho điểm (theo mẫu 02 ban hành kèm theo Quy chế này) và kiến nghị lựa chọn tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm dự án khuyến nông trung ương theo quy định tại Khoản 3 Điều 18 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP.

#### **Điều 9. Phê duyệt dự án khuyến nông trung ương**

1. Trên cơ sở kiến nghị của hội đồng, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia:

a) Trình Bộ trưởng phê duyệt, thông báo kết quả lựa chọn tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm dự án khuyến nông trung ương.

b) Thông báo, yêu cầu tổ chức, cá nhân chủ trì hoàn thiện hồ sơ dự án theo ý kiến hội đồng, gửi về Trung tâm Khuyến nông Quốc gia trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có văn bản thông báo.

2. Trung tâm Khuyến nông Quốc gia trình Bộ (qua Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường) phê duyệt dự án trước ngày 31 tháng 10.

3. Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường chủ trì, phối hợp với Vụ Tài chính, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia thẩm định, trình Bộ trưởng phê duyệt dự án (nội dung, kinh phí) và thuyết minh dự án trước ngày 25 tháng 11. Căn cứ quyết định phê duyệt của Bộ, Vụ Tài chính, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia ký thuyết minh dự án trước ngày 30 tháng 11.

#### **Điều 10. Phân bổ kinh phí, giao dự toán, ký hợp đồng, thực hiện dự án khuyến nông trung ương**

1. Hàng năm, căn cứ quyết định phê duyệt dự án của Bộ, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia trình Bộ (qua Vụ Tài chính) phân bổ kinh phí cho các dự án khuyến nông trung ương.

2. Vụ Tài chính trình Bộ giao dự toán cho các tổ chức chủ trì thuộc Bộ và Trung tâm Khuyến nông Quốc gia (đối với các dự án do các tổ chức không thuộc Bộ).

3. Trung tâm Khuyến nông Quốc gia ký hợp đồng với các tổ chức chủ trì dự án không thuộc Bộ.

4. Tổ chức chủ trì, chủ nhiệm dự án xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí hàng năm (theo mẫu 03 ban hành kèm theo Quy chế này) gửi Trung tâm Khuyến nông Quốc gia trước khi tổ chức thực hiện.

#### **Điều 11. Kiểm tra, đánh giá dự án khuyến nông trung ương**

1. Trung tâm Khuyến nông Quốc gia xây dựng, trình Bộ phê duyệt kế hoạch kiểm tra, đánh giá định kỳ hoặc đột xuất và tổ chức thực hiện theo quy định tại Điều 20 Nghị định 83, trong đó:

a) Trung tâm Khuyến nông Quốc gia có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá việc tổ chức thực hiện, tiến độ, kết quả thực hiện dự án khuyến nông trung ương.

b) Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá công tác quản lý và tổ chức thực hiện các dự án khuyến nông Trung ương của Trung tâm Khuyến nông Quốc gia và hiệu quả, tác động của dự án khuyến nông trung ương.

2. Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia tổng hợp, báo cáo Bộ kết quả kiểm tra, đánh giá chậm nhất sau 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra.

#### **Điều 12. Điều chỉnh chương trình, dự án khuyến nông trung ương**

1. Điều chỉnh chương trình:

a) Trong quá trình thực hiện, căn cứ chủ trương, định hướng phát triển của ngành và nhu cầu thực tiễn sản xuất, thị trường, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia đề xuất trình Bộ trưởng (qua Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường) phê duyệt điều chỉnh.

b) Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thẩm định, trình Bộ phê duyệt điều chỉnh chương trình khuyến nông trung ương.

2. Điều chỉnh dự án:

a) Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, tổ chức chủ trì đề xuất bằng văn bản nêu rõ lý do gửi Trung tâm Khuyến nông Quốc gia.

b) Đối với những điều chỉnh đã được Bộ trưởng phê duyệt (gồm: tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm dự án; nội dung trong quyết định phê duyệt dự án, thuyết minh dự án): Trung tâm Khuyến nông Quốc gia trình Bộ (qua Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường) để trình Bộ trưởng phê duyệt điều chỉnh.

c) Đối với những điều chỉnh khác: Trung tâm Khuyến nông Quốc gia phê duyệt điều chỉnh và gửi văn bản điều chỉnh về Bộ (qua Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Vụ Tài chính).

d) Việc xử lý điều chỉnh trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề xuất.



### **Điều 13. Nghiệm thu kết quả dự án khuyến nông trung ương**

#### **1. Nghiệm thu dự án hàng năm:**

a) Trung tâm Khuyến nông Quốc gia hướng dẫn và tiếp nhận hồ sơ nghiệm thu dự án hàng năm của tổ chức chủ trì theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 22 Nghị định 83/2018/NĐ-CP.

b) Trung tâm Khuyến nông Quốc gia chủ trì, phối hợp với Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Vụ Tài chính, Tổng cục, Cục chuyên ngành tổ chức nghiệm thu kết quả thực hiện dự án hàng năm với tổ chức chủ trì theo quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 22 Nghị định 83/2018/NĐ-CP.

c) Trung tâm Khuyến nông Quốc gia tổng hợp, báo cáo kết quả nghiệm thu gửi Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Vụ Tài chính.

#### **2. Nghiệm thu kết thúc dự án:**

a) Trung tâm Khuyến nông Quốc gia hướng dẫn và tiếp nhận hồ sơ nghiệm thu kết thúc dự án của tổ chức chủ trì theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 22 Nghị định 83/2018/NĐ-CP.

b) Trung tâm Khuyến nông Quốc gia trình Bộ thành lập hội đồng nghiệm thu kết thúc dự án; thành phần hội đồng gồm:

- Chủ tịch hội đồng: lãnh đạo Tổng cục, Cục chuyên ngành;
- Phó chủ tịch hội đồng: lãnh đạo Trung tâm Khuyến nông Quốc gia;
- Các ủy viên: đại diện Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Vụ Tài chính; công chức Tổng cục, Cục chuyên ngành; viên chức Trung tâm Khuyến nông Quốc gia.

c) Hội đồng đánh giá theo hai mức “đạt” hoặc “không đạt” (theo mẫu 04 ban hành kèm theo Quy chế này); dự án được đề nghị nghiệm thu khi có từ 2/3 (hai phần ba) thành viên hội đồng (tính theo số lượng thành viên tại Quyết định thành lập hội đồng) trở lên đánh giá “đạt”.

d) Trung tâm Khuyến nông Quốc gia trình Bộ (qua Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường) phê duyệt kết quả nghiệm thu kết thúc dự án. Hồ sơ trình Bộ gồm: Tờ trình và hồ sơ nghiệm thu kết thúc dự án theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 22 Nghị định 83/2018/NĐ-CP.

đ) Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường thẩm định, trình Bộ phê duyệt kết quả nghiệm thu kết thúc dự án theo quy định.

e) Trung tâm Khuyến nông Quốc gia công bố phê duyệt kết quả nghiệm thu kết thúc dự án trên cổng thông tin điện tử của Bộ và Trung tâm Khuyến nông Quốc gia.

3. Trung tâm Khuyến nông Quốc gia trình Bộ (qua Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường) phương án xử lý đối với dự án khuyến nông đánh giá “không đạt” trước ngày 30 tháng 6 hàng năm.

Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường chủ trì, phối hợp với Vụ Tài chính tham mưu, trình Bộ quy định cụ thể về xử lý đối với dự án khuyến nông đánh giá “không đạt”.



#### **Điều 14. Quyết toán kinh phí dự án khuyến nông trung ương**

1. Hàng năm, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia quyết toán kinh phí thực hiện dự án khuyến nông trung ương đối với tổ chức chủ trì dự án không trực thuộc Bộ.

2. Vụ Tài chính chủ trì, phối hợp với Trung tâm Khuyến nông Quốc gia quyết toán kinh phí dự án khuyến nông trung ương đối với dự án do tổ chức trực thuộc Bộ chủ trì.

3. Vụ Tài chính tổ chức thẩm tra, xét duyệt quyết toán kinh phí dự án khuyến nông trung ương giao Trung tâm Khuyến nông Quốc gia (các dự án do tổ chức ngoài Bộ chủ trì).

### **Chương III**

#### **NHIỆM VỤ KHUYẾN NÔNG THƯỜNG XUYÊN**

##### **Điều 15. Xây dựng, thẩm định, phê duyệt kế hoạch nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên**

1. Hàng năm, Tổng cục, Cục đề xuất nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên gửi Trung tâm Khuyến nông Quốc gia trước ngày 01 tháng 7.

2. Trung tâm Khuyến nông Quốc gia hướng dẫn, tiếp nhận đề xuất của các tổ chức, cá nhân; tổng hợp, xây dựng kế hoạch nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên; gửi Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường trước ngày 31 tháng 8.

3. Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường trình Bộ thành lập hội đồng thẩm định kế hoạch nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên; thành phần hội đồng gồm:

a) Chủ tịch hội đồng: lãnh đạo Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường.

b) Phó Chủ tịch hội đồng: lãnh đạo Vụ Tài chính.

c) Các ủy viên: công chức Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Vụ Tài chính; đại diện Tổng cục, Cục chuyên ngành liên quan, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia và cơ quan liên quan thuộc Bộ.

4. Căn cứ kết quả thẩm định, Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường chủ trì, phối hợp với Vụ Tài chính thẩm định, trình Bộ phê duyệt kế hoạch nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên trước ngày 31 tháng 10.

##### **Điều 16. Giao dự toán, ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên**

1. Căn cứ quyết định phê duyệt của Bộ, Vụ Tài chính giao dự toán kinh phí nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên cho Trung tâm Khuyến nông Quốc gia.

2. Trung tâm Khuyến nông Quốc gia thông báo, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân lập kế hoạch và ký hợp đồng triển khai thực hiện theo quy định hiện hành.

##### **Điều 17. Kiểm tra nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên**

Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường xây dựng, trình Bộ phê duyệt kế hoạch kiểm tra hàng năm, đột xuất về thực hiện nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên và tổ chức thực hiện kiểm tra theo kế hoạch được phê duyệt.

### **Điều 18. Điều chỉnh nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên**

1. Đối với những điều chỉnh về nội dung, kinh phí, kết quả giữa các nhóm nhiệm vụ (quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định 83/2018/NĐ-CP):

a) Trung tâm Khuyến nông Quốc gia tổng hợp, đề xuất điều chỉnh gửi Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường;

b) Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường chủ trì, phối hợp với Vụ Tài chính thẩm định, trình Bộ phê duyệt điều chỉnh.

2. Đối với những điều chỉnh khác trong cùng nhóm nhiệm vụ (quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định 83/2018/NĐ-CP): Trung tâm Khuyến nông Quốc gia phê duyệt điều chỉnh và gửi văn bản điều chỉnh về Bộ qua (Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Vụ Tài chính).

### **Điều 19. Nghiệm thu nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên**

1. Trung tâm Khuyến nông Quốc gia tổ chức nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên với các tổ chức, cá nhân trước ngày 30 tháng 01; tổng hợp kết quả nghiệm thu gửi Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường trước 31 tháng 3.

2. Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường trình Bộ thành lập hội đồng thẩm định kết quả nghiệm thu nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên trước ngày 30 tháng 4; thành phần hội đồng theo quy định tại Khoản 3 Điều 15 của Quy chế này.

3. Căn cứ kết quả thẩm định, Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường trình Bộ phê duyệt kết quả nghiệm thu nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên trước ngày 30 tháng 6.

4. Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường trình Bộ phương án xử lý đối với nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên đánh giá “không đạt” trước ngày 30 tháng 6 hàng năm.

Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường chủ trì, phối hợp với Vụ Tài chính tham mưu, trình Bộ quy định cụ thể về xử lý đối với đối với nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên đánh giá “không đạt”.

### **Điều 20. Quyết toán kinh phí nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên**

1. Trung tâm Khuyến nông Quốc gia quyết toán kinh phí nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên với các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện theo quy định.

2. Vụ Tài chính tổ chức thẩm tra, xét duyệt quyết toán kinh phí nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên giao Trung tâm Khuyến nông Quốc gia.

## **Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 21. Trách nhiệm của Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường**

1. Tham mưu, giúp Bộ trưởng quản lý nhà nước về khuyến nông, nội dung chương trình, dự án khuyến nông trung ương, nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên; đầu mối tổng hợp xây dựng kế hoạch khuyến nông trung ương. Chịu

trách nhiệm toàn diện trước Bộ trưởng và trước pháp luật về quản lý nhà nước đối với nội dung chương trình, dự án khuyến nông trung ương, nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên và các nhiệm vụ được giao tại Quy chế này.

2. Chủ trì trình Bộ phê duyệt, điều chỉnh chương trình, dự án khuyến nông trung ương và nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên theo quy định.

3. Chủ trì tổ chức thẩm định, trình Bộ phê duyệt định mức kinh tế kỹ thuật về khuyến nông.

4. Chủ trì tổ chức kiểm tra, đánh giá hiệu quả, tác động của chương trình, dự án khuyến nông trung ương, nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên. Tổng hợp, báo cáo kết quả hoạt động khuyến nông toàn ngành.

5. Chủ trì xây dựng Thông tư hướng dẫn Nghị định số 83/2018/NĐ-CP đảm bảo sớm trình Bộ trưởng ban hành và sát với tình hình thực tiễn.

6. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định tại Quy chế này và phân công của Bộ trưởng.

#### **Điều 22. Trách nhiệm của Vụ Tài chính**

1. Tham mưu, giúp Bộ trưởng quản lý tài chính khuyến nông theo quy định pháp luật. Chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng và trước pháp luật về quản lý nhà nước tài chính của chương trình, dự án khuyến nông trung ương, nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên và các nhiệm vụ được giao tại Quy chế này.

2. Thẩm định dự toán, trình Bộ phân bổ kinh phí, giao, điều chỉnh dự toán và quyết toán kinh phí khuyến nông trung ương.

3. Hướng dẫn việc quản lý, sử dụng kinh phí khuyến nông theo quy định của pháp luật; hướng dẫn tổ chức, cá nhân chủ trì dự án, nhiệm vụ phải chấp hành chế độ báo cáo quyết toán, kiểm toán theo quy định của pháp luật.

4. Tham gia thẩm định chương trình, dự án khuyến nông trung ương, nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên; kiểm tra, nghiệm thu, sơ kết, tổng kết chương trình, dự án khuyến nông.

5. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định tại Quy chế này và phân công của Bộ trưởng.

#### **Điều 23. Trách nhiệm của Tổng cục, Cục chuyên ngành**

1. Đề xuất chương trình khuyến nông trung ương, nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên phục vụ mục tiêu phát triển của Bộ, ngành và đề xuất điều chỉnh khi cần thiết.

2. Tham gia thẩm định chương trình, dự án khuyến nông trung ương, nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên.

3. Tham gia kiểm tra, nghiệm thu, sơ kết, tổng kết chương trình, dự án khuyến nông trung ương, nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên.

4. Tham gia xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật về khuyến nông.

5. Thủ trưởng các Tổng cục, Cục chuyên ngành có trách nhiệm cử công chức có năng lực, trách nhiệm và tạo điều kiện để công chức được giao hoàn thành nhiệm vụ tại các hội đồng.

6. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định tại Quy chế này và phân công của Bộ trưởng.



## **Điều 24. Trách nhiệm của Trung tâm Khuyến nông Quốc gia**

1. Thực hiện xây dựng chương trình, danh mục dự án khuyến nông trung ương, kế hoạch nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên trình Bộ phê duyệt theo quy định tại Quy chế này.
2. Thực hiện nhiệm vụ quản lý các dự án khuyến nông trung ương theo phân công tại Quy chế này.
3. Chủ trì thực hiện nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên.
4. Thông báo kế hoạch khuyến nông trung ương (dự án khuyến nông trung ương, nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên) đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.
5. Hướng dẫn các địa phương, đơn vị về chuyên môn, nghiệp vụ khuyến nông.
6. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng dự thảo định mức kinh tế kỹ thuật về khuyến nông trình Bộ (qua Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường).
7. Tổng hợp, báo cáo về chương trình, dự án khuyến nông trung ương và nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên theo quy định.
8. Đầu mối xây dựng, trình Bộ chương trình, kế hoạch chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp theo quy định tại điểm c, Khoản 1, Điều 11 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP.
9. Chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng và trước pháp luật về quản lý, tổ chức thực hiện chương trình, dự án khuyến nông trung ương, nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên và các nhiệm vụ được giao tại Quy chế này theo quy định pháp luật.
10. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định tại Quy chế này và phân công của Bộ trưởng.

## **Điều 25. Sửa đổi, bổ sung Quy chế**

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, tổ chức, cá nhân phản ánh bằng văn bản về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (qua Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường) để trình Bộ trưởng xem xét, sửa đổi, bổ sung./.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Lê Quốc Doanh**

**MẪU 01**

**ĐỀ XUẤT CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN NÔNG TRUNG ƯƠNG**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 3661 /QĐ-BNN ngày 19 tháng 9 năm 2018  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**TỔNG CỤC/ CỤC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐỀ XUẤT CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN NÔNG TRUNG ƯƠNG**  
**LĨNH VỰC: .....**

TT	Tên chương trình	Mục tiêu tổng quát	Thời gian Thực hiện (từ năm ... đến năm ...)	Địa bàn triển khai (vùng, miền)	Các dự án, nhiệm vụ khuyến nông (để thực hiện chương trình)	Kết quả dự kiến
1						
2						
...						

....., ngày.....tháng..... năm 20...

**THỦ TRƯỞNG TỔ CHỨC**

(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)



**MẪU 02****PHIẾU NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ  
DỰ ÁN KHUYẾN NÔNG TRUNG ƯƠNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3661 /QĐ-BNN ngày 19 tháng 9 năm 2018  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**BỘ NÔNG NGHIỆP  
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----o0o-----  
....., ngày      tháng      năm 20

**PHIẾU NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ  
HỒ SƠ ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ DỰ ÁN KHUYẾN NÔNG TRUNG ƯƠNG**

Thực hiện Quyết định số ...../QĐ-BNN-KN ngày ... tháng .... năm ... của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành lập Hội đồng đánh giá hồ sơ đăng ký chủ trì dự án khuyến nông trung ương.

**I. Thành viên hội đồng:**

- Họ và tên:
- Chức vụ, đơn vị công tác:
- Chức danh trong hội đồng:

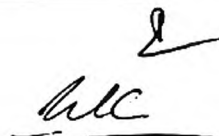
**II. Hồ sơ đánh giá:**

- Tên dự án:
- Tổ chức đăng ký chủ trì:
- Cá nhân đăng ký chủ nhiệm dự án:

**III. Nhận xét, đánh giá và chấm điểm**

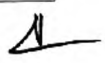

(Nêu nhận xét chi tiết cho mỗi nội dung và cho điểm đánh giá)

Số TT	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm của thành viên Hội đồng
1	<b>Năng lực tổ chức đăng ký chủ trì</b>	15	
	a) Chức năng, nhiệm vụ về khuyến nông, chuyển giao TBKT, công nghệ hoặc SXKD nông nghiệp liên quan đến dự án	5	
	b) Nhân lực tham gia dự án	3	
	c) Kinh nghiệm, thành tựu trong hoạt động khuyến nông, chuyển giao TBKT, công nghệ hoặc SXKD nông nghiệp trong 5 năm gần nhất liên quan dự án	3	
	d) Tiến bộ kỹ thuật, công nghệ, cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có liên quan đến dự án	2	





Số TT	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm của thành viên Hội đồng
	e) Khả năng huy động các nguồn lực cho việc thực hiện dự án	2	
<b>2</b>	<b>Năng lực của cá nhân đăng ký chủ nhiệm dự án</b>	<b>10</b>	
	a) Năng lực chuyên môn	2	
	b) Quá trình công tác	2	
	c) Số công trình được áp dụng trong thực tiễn	2	
	d) Các đề tài, dự án, nhiệm vụ khuyến nông, chuyển giao TBKT, sản xuất kinh doanh đã và đang chủ trì hoặc tham gia	2	
	e) Thành tựu trong hoạt động khuyến nông, chuyển giao TBKT và SXKD có liên quan đến dự án	2	
<b>3</b>	<b>Năng lực của các tổ chức, cá nhân phối hợp thực hiện dự án</b>	<b>10</b>	
	a) Có đầy đủ văn bản xác nhận phối hợp thực hiện dự án của các tổ chức, cá nhân tham gia dự án	2	
	b) Đơn vị phối hợp thực hiện dự án là tổ chức khuyến nông cấp tỉnh hoặc tổ chức khuyến nông khác trên địa bàn có chức năng, nhiệm vụ phù hợp với nội dung của dự án	5	
	c) Có văn bản xác nhận triển khai dự án tại địa phương của Sở NN&PTNT	3	
<b>4</b>	<b>Nội dung hoạt động của dự án</b>	<b>20</b>	
	a) Xây dựng mô hình trình diễn	10	
	b) Đào tạo, tập huấn	4	
	c) Thông tin tuyên truyền	3	
	d) Quản lý dự án	3	
<b>5</b>	<b>Phương pháp triển khai thực hiện và tính khả thi của dự án</b>	<b>15</b>	
	a) Phương pháp triển khai thực hiện	8	
	b) Tính khả thi của dự án	7	
<b>6</b>	<b>Kết quả, hiệu quả và khả năng nhân rộng</b>	<b>20</b>	
	a) Kết quả, hiệu quả	10	
	b) Khả năng nhân rộng	10	
<b>7</b>	<b>Kinh phí thực hiện dự án</b>	<b>10</b>	
	a) Kinh phí NSNN hỗ trợ được xây dựng đầy đủ, chi	7	

Số TT	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm của thành viên Hội đồng
	tiết, phù hợp với các quy định của Nhà nước		
	b) Huy động được các nguồn vốn đối ứng và các nguồn khác để thực hiện dự án	3	
	<b>Tổng điểm</b>	<b>100</b>	

**Ghi chú:**

- Chỉ có thành viên tham gia họp Hội đồng mới được chấm điểm đánh giá.
- Hồ sơ được Hội đồng kiến nghị lựa chọn là hồ sơ có tổng số điểm trung bình của các thành viên hội đồng cao nhất và phải đạt từ 70 điểm trở lên, trong đó không có tiêu chí nào có quá 1/3 số thành viên hội đồng có mặt cho điểm không (0 điểm).
- Nếu có từ 02 hồ sơ trở lên có số điểm trung bình bằng nhau thì hồ sơ nào có số điểm tiêu chí số 6 (kết quả, hiệu quả và khả năng nhân rộng) cao nhất sẽ được lựa chọn để báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, quyết định./.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG**  
(Họ, tên và chữ ký)





**MẪU 03**  
**KẾ HOẠCH, DỰ TOÁN KINH PHÍ HÀNG NĂM**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 3661/QĐ-BNN ngày 19 tháng 9 năm 2018  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**KẾ HOẠCH THỰC HIỆN DỰ ÁN KHUYẾN NÔNG TRUNG ƯƠNG**  
**NĂM 20 ....**

**I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN**

1	Tên dự án:
2	Tổ chức chủ trì:
3	Chủ nhiệm dự án:
4	Thời gian thực hiện dự án:
5	Địa điểm thực hiện dự án:
6	Mục tiêu dự án:
6.1. Mục tiêu tổng quát: .....	
6.2. Mục tiêu cụ thể: .....	
7	Kinh phí:
Tổng kinh phí từ nguồn NSNN: ..... triệu đồng, trong đó: - Đã cấp qua từng năm: + Năm 20...: ..... Tr.đ; + Năm 20...: ..... Tr.đ - Cấp năm kế hoạch: ..... Tr.đ	

**II. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN DỰ ÁN NĂM 20...**

8	<b>Đặc điểm tình hình</b> <ul style="list-style-type: none"><li>- Những thuận lợi, khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện dự án</li><li>- Kết quả đã đạt được</li><li>- Điều chỉnh, thay đổi của dự án (nếu có)</li></ul>
---	--



9	<b>Mục tiêu của dự án năm kế hoạch</b> .....						
10	<b>Nội dung hoạt động của dự án</b>						
10.1	<b>Xây dựng mô hình trình diễn:</b> .....						
10.2	<b>Đào tạo, tập huấn:</b> .....						
10.3	<b>Thông tin tuyên truyền:</b> .....						
10.4	<b>Quản lý dự án:</b> .....						
11	<b>Kế hoạch triển khai từng hoạt động cụ thể của dự án:</b>						
TT	Nội dung hoạt động	Địa điểm thực hiện (xã, huyện, tỉnh)	Thời gian thực hiện (từ tháng .. đến tháng ..)	Qui mô (ha, con, lớp,..)	Kinh phí (tr.đ)	Đơn vị thực hiện (chủ trì, phối hợp)	Ghi chú
I	Xây dựng MH						
II	Đào tạo, tập huấn						
III	Thông tin TT						
IV	Quản lý dự án						

### III. KẾT QUẢ, HIỆU QUẢ VÀ TÁC ĐỘNG CỦA DỰ ÁN

13	<b>Kết quả/sản phẩm của dự án và yêu cầu chất lượng cần đạt</b>				
Số TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu về chất lượng	Ghi chú
1					
2					

*hlc*

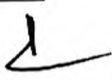
...					
14	Hiệu quả, tác động và lợi ích mang lại của dự án				
14.1. Đối với sản xuất (Nêu dự kiến những tác động của dự án đối với sản xuất, người nông dân)					
14.2. Đối với kinh tế - xã hội và môi trường (Nêu dự kiến những tác động của dự án đối với sự phát triển kinh tế- xã hội và môi trường)					

#### IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nguồn kinh phí	Tổng số	Kinh phí cho từng nội dung			
			Xây dựng mô hình	Đào tạo tập huấn	Thông tin tuyên truyền	Quản lý dự án
	<b>Tổng kinh phí</b>					
	<i>Trong đó:</i>					
1	Nguồn vốn NSNN					
2	Nguồn vốn đối ứng					
3	Nguồn vốn khác					

(có dự toán chi tiết kèm theo)



....., ngày ..... tháng ..... năm 20.....

**Chủ nhiệm dự án**  
(Họ tên, chữ ký)

**Thủ trưởng**  
**Tổ chức chủ trì dự án**  
(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)



## MẪU BIỂU TỔNG HỢP DỰ TOÁN KINH PHÍ DỰ ÁN KHUYẾN NÔNG NĂM 20...

### I. XÂY DỰNG MÔ HÌNH TRÌNH DIỄN

Đơn vị tính: 1000 đồng

T T	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Phân ra các nguồn						Ghi chú
						Kinh phí NSNN		Kinh phí đối ứng		Nguồn khác		
						Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Giống <sup>1</sup>											
2	Vật tư thiết yếu <sup>1</sup>											
3	Công cán bộ chỉ đạo											
4	Tập huấn											
5	Tổng kết mô hình											
	Tổng cộng											

<sup>1</sup>Căn cứ vào báo giá tại thời điểm lập dự toán hoặc thông báo giá của cơ quan có thẩm quyền



## II. ĐÀO TẠO, TẬP HUẤN

Phân ra các nguồn												
TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Kinh phí NSNN		Kinh phí đối ứng		Nguồn khác		Ghi chú
						Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	
A	B	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Thuê Hội trường, trang thiết bị											
2	In ấn tài liệu											
3	Giảng viên hướng dẫn											
	Bồi dưỡng											
	Đi lại											
	Tiền ở											
	...											
4	Học viên											Lưu ý theo đối tượng
	Đi lại											
	Tiền ăn											
	Tiền ở											
	Tài liệu											
5	Nước uống											
6	Văn phòng phẩm											
7	Vật tư thực hành											
8	Chi khác: Khai giảng, bế giảng, in chứng chỉ, tiền y tế...											
	Tổng cộng:											

### III. THÔNG TIN, TUYÊN TRUYỀN

III. THÔNG TIN, TUYÊN TRUYỀN												
T T	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Phân ra các nguồn						Ghi chú
						Kinh phí NSNN		Kinh phí đối ứng		Nguồn khác		
						Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	
A	B	I	2	3	4	6	7	8	9	10	11	14
1	Thông tin											
2	Quảng cáo											
3	Hội thảo đầu bờ											
4	Hội thảo vùng miền											
5	Tuyên truyền (báo đài ...)											
	Tổng cộng											

### IV. QUẢN LÝ DỰ ÁN (1.000 đồng):

### V. TỔNG CỘNG (I+II+III+IV):

(Số tiền viết bằng chữ: .....)

**Chủ nhiệm Dự án**  
(Họ tên, chữ ký)

**Kế toán trưởng**  
(Họ tên, chữ ký)

**Thủ trưởng Tổ chức chủ trì**  
(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)



**Ghi chú:** Kèm theo biểu tổng hợp dự toán là các biểu dự toán chi tiết theo từng đơn vị, nội dung hoạt động của dự án

**PHIẾU NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ NGHIỆM THU KẾT THÚC  
DỰ ÁN KHUYẾN NÔNG TRUNG ƯƠNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3661 /QĐ-BNN ngày 19 tháng 9 năm 2018  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

**BỘ NÔNG NGHIỆP  
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày ..... tháng ..... năm 20.....

**PHIẾU NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ NGHIỆM THU KẾT THÚC  
DỰ ÁN KHUYẾN NÔNG TRUNG ƯƠNG**

Thực hiện Quyết định số ...../QĐ-BNN-KN ngày ... tháng .... năm ... của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành lập Hội đồng nghiệm thu kết thúc dự án khuyến nông trung ương.

**I. Thành viên hội đồng:**

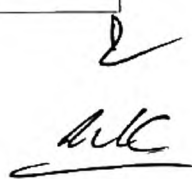
1. Họ và tên:
2. Chức vụ, đơn vị công tác:
3. Chức danh trong hội đồng:

**II. Dự án nghiệm thu kết thúc:**

1. Tên dự án:
2. Tổ chức chủ trì:
3. Chủ nhiệm dự án:

**III. Nhận xét, đánh giá**

TT	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm của thành viên
1	Mức độ hoàn thiện về nội dung của báo cáo và hình thức báo cáo	10	
2	Phương pháp triển khai, tổ chức phối hợp thực hiện và quản lý dự án	15	
	- Phương pháp triển khai dự án	10	
	- Tổ chức phối hợp và quản lý dự án	5	
3	Mức độ thực hiện các nội dung và hoàn thành sản phẩm của dự án	45	
	- Mức độ thực hiện các nội dung dự án	20	



TT	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm của thành viên
	- Mức độ hoàn thành các sản phẩm dự án (số lượng, chủng loại và chất lượng)	25	
4	Tình hình sử dụng kinh phí	10	
5	Hiệu quả và khả năng nhân rộng kết quả dự án	20	
	- Hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường của dự án	10	
	- Khả năng nhân rộng kết quả dự án	10	
	<b>Tổng điểm</b>	<b>100</b>	

#### IV. Kết luận và kiến nghị của thành viên hội đồng nghiệm thu:

##### 1. Nhận xét, đánh giá chung về kết quả thực hiện dự án

.....

.....

.....

##### 2. Kết luận:

- Đạt: ☐

- Không đạt: ☐

##### 3. Kiến nghị:

.....

.....

.....

***Ghi chú:** Dự án được đánh giá “đạt” khi có tổng số điểm đạt 70/100 điểm trở lên, trong đó điểm của mục 3 đạt từ 40 điểm trở lên.*

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG**

(Họ, tên và chữ ký)

